

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN GIA LÂM  
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 169/2023/HS-ST  
Ngày 26-9-2023.

**NHÂN DANH**  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIA LÂM, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Vũ Quang Dũng

*Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Đàm Thị Kim Thanh

Bà Nguyễn Thị Hà

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Văn Hạnh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa:** Ông Lê Đình Vượng - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 9 năm 2023 tại điểm cầu trung tâm - Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội và điểm cầu thành phần - Trại tạm giam số 1 - Công an thành phố Hà Nội, Tòa án nhân dân huyện Gia Lâm xét xử sơ thẩm công khai theo hình thức trực tuyến vụ án hình sự thụ lý số 165/2023/TLST-HS ngày 11 tháng 9 năm 2023; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 163/2023/QĐXXST-HS ngày 13/9/2023, đối với bị cáo:

**Lê Hoàng M** - Giới tính: Nam; sinh năm 1988 tại: Hà Nội; nơi cư trú: Số 1 ngõ 40 phố C, phường T, quận T, thành phố Hà Nội; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 12/12; con ông: Lê Sỹ T và con bà: Nguyễn Thị Thanh B; vợ Đỗ Hoài T1; có 02 con, con lớn sinh 2009, con nhỏ sinh 2012; TATS: Theo danh chỉ bản số 336 ngày 10/7/2023 do Công an huyện G, thành phố Hà Nội lập và lý lịch bị can thì bị cáo chưa có tiền án tiền sự.

Bị cáo ra đầu thú và bị tạm giữ ngày 04/7/2023, chuyển tạm giam ngày 07/7/2023; hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Trại tạm giam số 2 – Công an thành phố Hà Nội; có mặt.

\* **Bị hại:** Anh **Lý Ngọc S**, sinh năm: 1977; nơi ở hiện tại: Tòa S, khu đô thị V, xã D, huyện G, thành phố Hà Nội; vắng mặt;

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

*\* Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:*

Khoảng 19 giờ 30 phút ngày 06/4/2022, bị cáo Lê Hoàng M đang ở nhà anh Lý Ngọc S, sinh năm 1977 ở Tòa S, khu đô thị V, xã D, huyện G, thành phố Hà Nội, M hỏi mượn xe máy của anh S với mục đích để đi đón bạn thì anh S đồng ý, anh S đưa chìa khóa xe máy BKS 29D2-318.13 và vé xe cho M. Sau khi mượn được xe, trên đường đi đón bạn, do đang thiếu tiền, M nảy sinh ý định cầm cố chiếc xe máy của anh S để lấy tiền chi tiêu. M đi xe máy tới cửa hàng mua bán trao đổi ô tô, xe máy của anh H, sinh năm 1983 ở đường N, phường G, quận L, thành phố Hà Nội để cầm cố. Khi cầm cố, M nói nguồn gốc là xe của M. Cả hai thỏa thuận cầm cố chiếc xe với giá 10.000.000 đồng trong thời hạn 05 ngày, anh H trừ trước tiền lãi 2.000.000 đồng rồi chuyển khoản 8.000.000 đồng vào tài khoản Ngân hàng A số 04068032201 của M. Sau khi nhận được tiền, M thuê taxi đi đón bạn và tiêu xài cá nhân hết. Ngày 18/7/2022, anh Lý Ngọc S đã nộp đơn trình báo sự việc tại Công an xã D, huyện G, thành phố Hà Nội. Đến ngày 04/7/2023, bị cáo Lê Hoàng M đến cơ quan Công an đầu thú và khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như trên.

Tại Kết luận định giá tài sản số 118/KL-HĐĐG ngày 09/08/2022 của Hội đồng định giá tài sản trong TTHS huyện G kết luận: 01 chiếc xe máy mang nhãn hiệu Honda, loại xe Lead, màu vàng nâu, số máy: JF79E0548905, số khung: 7918HZ025730, xe đã qua sử dụng, tại thời điểm xảy ra vụ việc ngày 06/04/2022 có giá trị 19.000.000 đồng.

Tại bản cáo trạng số 167/CT-VKSGL ngày 08/9/2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện G đã truy tố bị cáo Lê Hoàng M về tội: “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo điểm b khoản 1 Điều 175 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa: Bị cáo đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình phù hợp với nội dung bản cáo trạng của Viện Kiểm sát đã truy tố.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện G giữ quyền công tố luận tội và tranh luận: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa thấy rằng: Hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội: “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo điểm b khoản 1 Điều 175 Bộ luật Hình sự. Đề nghị giữ nguyên nội dung bản cáo trạng đã truy tố.

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Điểm b khoản 1 Điều 175; điểm i, s khoản 1 Điều 51 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự.

- Về hình phạt: Đề nghị xử phạt bị cáo Lê Hoàng M mức án từ 10 đến 15 tháng tù giam về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”. Thời hạn tù tính từ ngày 04/7/2023.

- Về hình phạt bổ sung: Không.

- Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo Lê Hoàng M phải bồi thường thiệt hại cho anh Lý Ngọc S số tiền 19.000.000 đồng.

Nói lời sau cùng, bị cáo xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

\* Về tố tụng:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện G, Điều tra viên, Viện Kiểm sát nhân dân huyện G, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay, bị cáo thành khẩn nhận tội và không có khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng huyện G là hợp pháp.

\* Về tội danh:

[2]. Xét lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, lời khai của bị hại, lời khai của người làm chứng, bản Kết luận định giá tài sản cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án cũng như nội dung bản cáo trạng của Viện Kiểm sát nhân dân huyện G đã truy tố.

Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 19 giờ 30 phút ngày 06/4/2022, tại căn hộ Tòa S, khu đô thị V, xã D, huyện G, thành phố Hà Nội, bị cáo Lê Hoàng M mượn anh Lý Ngọc S 01 chiếc xe máy Honda LEAD màu vàng nâu, BKS 29D2-318.13 có giá trị 19.000.000 đồng. Sau khi mượn được xe máy, do không có tiền tiêu, M đã có hành vi đem chiếc xe máy nêu trên đi cầm cố được 8.000.000 đồng, không trả lại chiếc xe cho anh S.

[3]. Hành vi của bị cáo Lê Hoàng M đã có đủ yếu tố cấu thành tội: “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”. Tội danh và hình phạt được quy định tại điểm b khoản 1 Điều 175 của Bộ luật Hình sự.

[4]. Viện Kiểm sát nhân dân huyện G đề nghị truy tố bị cáo về tội danh và điều luật áp dụng là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật.

[5]. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội. Bị cáo đã cố ý trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được Bộ luật Hình sự bảo vệ. Do vậy, cần phải nghiêm trị đối với bị cáo.

\* Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

[6]. Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

[7]. Về tình tiết giảm nhẹ: Nhân thân của bị cáo chưa có tiền án – tiền sự, bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải là các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm i, s, khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

\* Về việc áp dụng hình phạt:

[8]. Xét tính chất và mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, Hội đồng xét xử thấy cần phải xử phạt bị cáo một mức án tù trong khung hình phạt nhằm cách ly bị cáo ra ngoài xã hội một thời gian mới đủ điều kiện cải tạo, giáo dục bị cáo và phòng ngừa tội phạm. Khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử cũng xem xét bị cáo có các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như đã nhận định ở trên nên giảm nhẹ một phần hình phạt đối với bị cáo là có căn cứ.

\* Về trách nhiệm dân sự:

[9]. Anh Lý Ngọc S yêu cầu bị cáo Lê Hoàng M phải bồi thường giá trị chiếc xe máy theo kết quả định giá là 19.000.000 đồng. Xét yêu cầu của anh S là có căn cứ nên chấp nhận và buộc bị cáo phải bồi thường thiệt hại cho anh S số tiền 19.000.000 đồng là có căn cứ.

\* Về hình phạt bổ sung:

[10]. Xét thấy bị cáo không có nghề nghiệp, thu nhập ổn định, không có tài sản riêng nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo là có căn cứ.

\* Về các vấn đề khác:

[11]. Đối với việc H nhận cầm cố xe của Lê Hoàng M: Theo lời khai của H, H không nhớ có nhận cầm cố xe máy của M, không nhớ chuyển số tiền 8.000.000 đồng cho M để làm gì. Quá trình giao dịch cầm cố, M khai không nói cho anh H biết về nguồn gốc của chiếc xe, nói là xe của bản thân. Cơ quan điều tra đã cho M và H đối chất, tuy nhiên H không có mặt tại địa phương, đi đâu làm gì chính quyền địa phương không nắm được nên không đối chất được. Do đó, Cơ quan điều tra không đủ căn cứ để xem xét xử lý đối với H.

\* Về án phí:

[12]. Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

\* Về quyền kháng cáo:

[13]. Bị cáo và những người tham gia tố tụng khác được quyền kháng cáo bản án theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 175; điểm i, s khoản 1 Điều 51 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo Lê Hoàng M 10 (Mười) tháng tù về tội: Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 04/7/2023.

2. Về hình phạt bổ sung: Không.

3. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 48 của Bộ luật Hình sự và Điều 584, 585, 589 Bộ luật Dân sự năm 2015: Buộc bị cáo Lê Hoàng M phải bồi thường thiệt hại cho anh Lý Ngọc S số tiền 19.000.000 đồng.

4. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng Hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: Bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí Hình sự sơ thẩm và 950.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

*Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong khoản tiền hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 của Bộ luật Dân sự 2015.*

5. Quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày được thông đạt bản án.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành

án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- TAND thành phố Hà Nội;
- VKSND thành phố Hà Nội;
- Sở Tư pháp thành phố Hà Nội;
- VKS nhân dân huyện G;
- Công an huyện G;
- Chi cục THADS huyện G;
- UBND phường T, quận T, thành phố Hà Nội (Thay cho thông báo kết quả xét xử);
- Bị cáo và những người TGTT khác;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Vũ Quang Dũng**